

TÀI LIỆU ÔN TẬP

MÔN TIN HỌC (120 câu)

Câu 1: Trong các phần mềm sau, phần mềm nào là phần mềm ứng dụng?

- A. Windows XP
- B. Microsoft Word
- C. Linux
- D. Unix

Câu 2: Trên hệ điều hành Windows, để chuyển đổi cửa sổ chương trình cần làm việc ta:

- A. Nháy chọn biểu tượng chương trình tương ứng trên thanh công việc (Taskbar).
- B. Nhấn giữ phím Alt và gõ phím Tab cho đến khi chọn được cửa sổ chương trình.
- C. Nháy vào một vị trí bất kỳ trên cửa sổ chương trình muốn kích hoạt.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 3: Tên thư mục trong hệ điều hành Windows cần thoả điều kiện sau:

- A. Không quá 255 ký tự; không được trùng tên nếu trong cùng một cấp thư mục (cùng thư mục cha) và không chứa các ký tự đặc biệt (/ \ " * ! < > ? .
- B. Tối đa 8 ký tự, không có khoảng trắng và các ký tự đặc biệt (/ \ " * ! < > ? .
- C. Tối đa 255 ký tự, không bắt đầu bằng chữ số, không chứa khoảng trắng.
- D. Tối đa 256 ký tự.

Câu 4: Muốn khởi động lại hệ điều hành Windows XP ta thực hiện như sau:

- A. Vào bảng chọn Start và Turn off Computer và hộp thoại xuất hiện, chọn lệnh Restart.
- B. Vào bảng chọn Start và Turn off Computer và hộp thoại xuất hiện, chọn lệnh Stand By.
- C. Vào bảng chọn Start và Turn off Computer và hộp thoại xuất hiện, chọn lệnh Turn Off.
- D. Vào bảng chọn Start và Turn off Computer và hộp thoại xuất hiện, chọn lệnh Cancel.

Câu 5: Phần mềm nào dưới đây không phải là phần mềm hệ thống?

- A. Microsoft-DOS.
- B. Microsoft Windows.
- C. Linux
- D. Microsoft Excel.

Câu 6: Người và máy tính giao tiếp với nhau thông qua:

- A. Hệ điều hành.
- B. Đĩa cứng.
- C. Chuột.
- D. Bàn phím.

Câu 7: Trên hệ điều hành Windows, để mở cửa sổ chương trình cần làm việc trên hệ điều hành Windows ta thực hiện như sau:

- A. Kéo thả biểu tượng chương trình trên màn hình nền Desktop vào bảng chọn Start.
- B. Vào bảng chọn Start và Run và chỉ đường dẫn đến chương trình cần mở và chọn Cancel.
- C. Nháy đúp chuột tại biểu tượng của chương trình trên màn hình nền Desktop.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 8: Hệ điều hành Windows XP là hệ điều hành có:

- A. Giao diện đồ hoạ.
- B. Màn hình động.
- C. Đa nhiệm.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 9. Hệ điều hành Windows sử dụng giao diện nào để người dùng giao tiếp với máy tính?

- A. Văn bản.
- B. Hình ảnh.
- C. Biểu tượng.
- D. Đồ hoạ.

Câu 10: Thao tác nào sau đây được dùng để chọn nhiều đối tượng không liên tiếp nhau trong hệ điều hành Windows?

- A. Nháy chuột vào từng đối tượng.
- B. Nháy phải chuột tại từng đối tượng.
- C. Nhấn giữ phím Shift và nháy chuột vào từng đối tượng.
- D. Nhấn giữ phím Ctrl và nháy chuột vào từng đối tượng.

Câu 11: Trong môi trường Windows có các thành phần nào sau đây, chọn phương án đúng nhất?

- A. Cửa sổ, biểu tượng, My Computer.
- B. Cửa sổ, thanh công cụ, Recycle Bin.
- C. Cửa sổ, biểu tượng, thanh công cụ, biểu tượng.
- D. Hình ảnh.

Câu 12: Cho thanh công cụ bao gồm các nút lệnh được liệt kê theo thứ tự như hình bên, nút lệnh f được dùng để:

- A. Tạo mới thư mục.
- B. Tìm kiếm tệp, thư mục.
- C. Phục hồi thao tác vừa thực hiện.
- D. Sắp xếp tệp, thư mục theo thứ tự tăng dần về kích thước.

Câu 13: Trong hệ điều hành Windows, muốn tạo thư mục, ta mở ổ đĩa muốn tạo thư mục mới bên trong nó và:

- A. nháy File và New và Folder, gõ tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.
- B. nhấn tổ hợp phím Ctrl + N, gõ tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.
- C. nháy File và New và Short Cut, gõ tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.

D. nhấn phím F2, gõ tên cho thư mục mới tạo và nhấn phím Enter.

Câu 14: Trong hệ điều hành Windows, muốn đổi tên cho thư mục đang chọn ta:

- A. nháy Edit và Move to Folder, gõ tên mới cho thư mục và nhấn phím Enter.
- B. nhấn tổ hợp phím Ctrl + R, gõ tên mới cho thư mục và nhấn phím Enter.
- C. nháy Edit và Rename, gõ tên mới cho thư mục và nhấn phím Enter.
- D. nhấn phím F2, gõ tên mới cho thư mục và nhấn phím Enter.

Câu 15: Trong hệ điều hành Windows, muốn sao chép các tệp đang chọn vào bộ nhớ đệm ta:

- A. nháy Edit và Copy
- B. nhấn tổ hợp phím Ctrl + C
- C. nháy phải chuột tại vị trí bất kì bên trong vùng chứa các tệp đang chọn, chọn lệnh Copy.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 16: Trong hệ điều hành Windows, muốn khôi phục đối tượng đã xóa, ta mở cửa sổ Recycle Bin, chọn đối tượng muốn khôi phục và:

- A. nháy Edit và Restore.
- B. nháy Edit và Delete.
- C. nháy File và Restore.
- D. nháy File và Delete.

Câu 17: Trong hệ điều hành Windows, để xem danh sách các tài liệu (tệp) vừa thao tác gần nhất, ta:

- A. Nháy Start và My Documents.
- B. Nháy Start và My Recent Documents.
- C. Nháy File và Open Near Documents.
- D. Các ý trên đều sai.

Câu 18: Trong hệ điều hành Windows, muốn thay đổi hình nền cho màn hình Desktop, ta nháy phải chuột tại vùng trống trên Desktop và:

- A. Chọn Properties và chọn thẻ lệnh Desktop và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- B. Chọn Properties và chọn thẻ lệnh Settings và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- C. Chọn Properties và chọn thẻ lệnh Screen save và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- D. Tất cả các ý trên đều sai.

Câu 19: Trong hệ điều hành Windows, muốn thay đổi hình nền cho màn hình Desktop, ta nháy Start và Control Panel sau đó:

- A. chọn Display và Desktop và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- B. chọn Change desktop background và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- C. chọn Choose a screen saver và Desktop và chọn hình ảnh làm nền màn hình và Apply và Ok.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 20: Trong hệ điều hành Windows, để tạo đường tắt (biểu tượng-shortcut) cho đối tượng lên màn hình Desktop ta:

- A. Nháy phải chuột tại đối tượng cần tạo shortcut, chọn Sent to và chọn Desktop (create shortcut).
- B. Nhấn giữ nút chuột phải tại đối tượng cần tạo shortcut, kéo thả ra ngoài màn hình nền, khi bảng chọn tắt xuất hiện, chọn Create shortcuts here.
- C. Nháy phải chuột tại vùng trống bất kì trên nền màn hình desktop, chọn New và Shortcut và Browse và chỉ đường dẫn đến đối tượng cần tạo shortcut và Next và đặt tên cho shortcut và Finish.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 21: Muốn đổi tên cho thư mục/tệp tin trong hệ điều hành Windows, ta chọn thư mục/tệp tin cần đổi tên và thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Nháy File và chọn Rename và nhập tên mới và nhấn phím Enter.
- B. Nhấn phím F2 và nhập tên mới và nhấn phím Enter.
- C. Nháy phải chuột tại thư mục/tệp tin và nhập tên mới và nhấn phím Enter.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 22: Phát biểu nào không đúng trong các phát biểu sau?

- A. Trong hệ điều hành Windows, thư mục có thể chứa các thư mục con khác.
- B. Trong hệ điều hành Windows, thư mục có thể chứa các tệp và thư mục con khác.
- C. Trong hệ điều hành Windows, tệp có thể chứa tệp.
- D. Trong hệ điều hành Windows, tệp có thể chứa các tệp và thư mục con khác.

Câu 23: Trong hệ điều hành Windows, để xóa các tệp/thư mục đang chọn ta thực hiện như sau:

- A. Vào bảng chọn Edit và UnDelete và Yes.
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Delete và Yes.
- C. Nhấn phím Delete và Yes.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 24: Thao tác nào sau đây không tạo được thư mục mới trong hệ điều hành Windows?

- A. Nháy phải chuột tại vùng trống bên trong ổ đĩa, thư mục muốn tạo mới thư mục bên trong nó, vào bảng chọn New và Folder và nhập tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.
- B. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, vào bảng chọn File và New và Folder và nhập tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.
- C. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, nháy chuột vào nút lệnh trên thanh công cụ chuẩn, nhập tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.
- D. Mở ổ đĩa, thư mục nơi ta muốn tạo mới thư mục bên trong nó, nháy chuột vào nút lệnh trên thanh công cụ chuẩn, nhập tên cho thư mục mới và nhấn phím Enter.

Câu 25: Thiết bị nào sau đây của máy tính không thuộc nhóm thiết bị xuất?

- A. Màn hình (Monitor).
- B. Máy in (Printer).
- C. Loa (Speaker).

D. Máy quét (Scanner).

Câu 26: Trong hệ điều hành Windows, để dán các tệp/thư mục sau khi đã thực hiện lệnh copy, ta mở ổ đĩa, thư mục muốn chứa bản sao và:

- A. Vào bảng chọn Edit và chọn Paste.
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + V.
- C. Nháy phải chuột tại vùng trống bên trong ổ đĩa, thư mục cha và chọn Paste.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 27: Trong hệ điều hành Windows, thuộc tính nào dưới đây dùng để hiển thị thanh công việc (Taskbar) trên các cửa sổ chương trình?

- A. Lock the Taskbar.
- B. Auto-Hide the Taskbar.
- C. Keep the Taskbar on top of other Windows.
- D. Show the clock.

Câu 28: Trong hệ điều hành Windows, để phục hồi tất cả các đối tượng trong Recycle Bin (thùng rác) ta nháy phải chuột tại Recycle Bin và chọn lệnh:

- A. Delete.
- B. Restore.
- C. Redo.
- D. Undo Delete.

Câu 29: Khi đang soạn thảo trong Microsoft Word, xuất hiện các gạch đỏ dưới một số từ, dấu hiệu đó cho biết:

- A. Các từ đó bị ta gõ sai dấu tiếng việt.
- B. Những từ đó không có trong từ điển của Word.
- C. Những từ đó nằm trong đoạn văn bản có dấu câu không đúng vị trí.
- D. Phong chữ ta đang sử dụng soạn thảo không phù hợp với bảng mã đang chọn của bộ gõ tiếng việt mà ta đang cài đặt trên máy tính.

Câu 30: Muốn định dạng đoạn văn bản trong Microsoft Word, trước hết ta phải:

- A. Di chuyển con trỏ vào vị trí bất kì trên đoạn văn bản muốn định dạng.
- B. Quét chọn đoạn văn bản.
- C. Nháy phải chuột tại vị trí cuối cùng của đoạn văn bản.
- D. Quét chọn đoạn văn bản hoặc di chuyển con trỏ soạn thảo vào vị trí bất kì trên đoạn văn bản muốn định dạng.

Câu 31: Trong Microsoft Word, để thay đổi phông chữ, màu chữ và kích thước của một cụm từ nào đó trong văn bản, trước tiên ta phải thực hiện thao tác nào dưới đây?

- A. Chọn toàn bộ cụm từ đó.
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Z.
- C. Di chuyển con trỏ soạn thảo vào bên trong cụm từ đó.
- D. Quét chọn kí tự cuối cùng của cụm từ đó.

Câu 32: Trong Microsoft Word, bảng chọn nào liên quan đến việc hiệu chỉnh

đoạn văn bản?

- A. Insert.
- B. Edit.
- C. Format.
- D. Table.

Câu 33: Để căn đều hai biên (biên trái và biên phải) cho đoạn văn bản, ta dùng tổ hợp phím:

- A. Ctrl + E
- B. Ctrl + J
- C. Ctrl + L
- D. Ctrl + T

Câu 34: Trong Microsoft Word, muốn định dạng màu chữ cho kí tự (nhóm kí tự) đang chọn, ta vào bảng chọn Format và chọn lệnh

- A. Paragraph...
- B. Font...
- C. Bullets and Numbering...
- D. Border and Shading...

Câu 35: Nhấn tổ hợp phím nào sau đây để định dạng cụm từ đang chọn sang kiểu chữ in đậm?

- A. Ctrl + B
- B. Ctrl + I
- C. Ctrl + U
- D. Ctrl + R

Câu 36: Trong Microsoft Word, muốn thụt lề trái cho đoạn văn bản đang chọn, ta:

- A. Vào bảng chọn Format và chọn lệnh Paragraph...
- B. Vào bảng chọn File và chọn lệnh Page Setup...
- C. Vào bảng chọn Insert và chọn Symbol...
- D. Nháy chọn Print Preview trên thanh công cụ chuẩn.

Câu 37: Trong Microsoft Word, muốn xuống dòng nhưng chưa kết thúc đoạn văn bản ta dùng phím (tổ hợp phím) nào sau đây?

- A. Enter
- B. Shift + Enter
- C. Alt + Enter
- D. Ctrl + Shift + =

Câu 38: Trong quá trình soạn thảo văn bản với Microsoft Word, để chèn Table (Bảng) ta:

- A. Vào bảng chọn Table và Insert và Table...
- B. Vào bảng chọn Table và Delete và Table
- C. Vào bảng chọn Insert và chọn Object...
- D. Các ý trên đều sai.

Câu 39: Để xóa cột trong Table, ta vào bảng chọn Table và Delete và chọn lệnh:

- A. Cells
- B. Table
- C. Row
- D. Columns

Câu 40: Trong Microsoft Word, để sắp xếp dữ liệu trong một Table tăng/giảm dần theo một tiêu chuẩn, ta di chuyển con trỏ chuột đến vị trí bất kỳ trong Table và:

- A. Vào bảng chọn Table và Sort...
- B. Vào bảng chọn Data và Sort...
- C. Vào bảng chọn Window và chọn Arrange All...
- D. Word không hỗ trợ tính năng sắp xếp dữ liệu trong Table.

Câu 41: Trong Microsoft Word, để chia 1 ô trên Table thành nhiều ô ta di chuyển con trỏ chuột đến ô cần chia, vào bảng chọn Table và chọn lệnh:

- A. Split Cells...
- B. Merge Cells
- C. Insert và chọn Rows Above
- D. Insert và chọn Columns to the left

Câu 42: Trong Microsoft Word, để nhập các ô đang chọn trên Table thành 1 ô ta:

- A. Vào bảng chọn Table và chọn Merge cells.
- B. Nháy đúp chuột tại khối ô đang được chọn và Delete.
- C. Nhấn phím Delete.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 43: Trong Microsoft Word, muốn định dạng chữ rơi (thụt cấp) đầu đoạn, ta

- A. vào bảng chọn Insert và Picture và chọn lệnh Word Art ...
- B. vào bảng chọn Format và chọn lệnh Drop Cap...
- C. vào bảng chọn Format và chọn lệnh Tabs...
- D. vào bảng chọn Format và chọn lệnh Font...

Câu 44: Khi ta nháy đúp chuột vào biểu tượng Microsoft Word (biểu tượng này nằm tại góc trái của thanh tiêu đề), điều gì sẽ xảy ra?

- A. Tạo một tệp văn bản mới hay còn gọi là mở trang văn bản mới.
- B. Đóng tệp văn bản hiện hành.
- C. Mở tệp văn bản đang tồn tại trên đĩa.
- D. Lưu thêm nội dung cho tệp văn bản hiện hành.

Câu 45: Muốn chia đoạn văn bản đang được quét chọn ra thành nhiều cột, ta:

- A. Vào bảng chọn Format và Columns...
- B. Vào bảng chọn Table và Insert và Columns.
- C. Nhấn chọn biểu tượng trên thanh công cụ chuẩn.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 46: Trong Microsoft Word, để tệp đồ họa vào văn bản ta:

- A. Vào bảng chọn Insert và Picture và From File...

- B. Vào bảng chọn Insert và Symbol...
- C. Vào bảng chọn Insert và Page Numbers...
- D. Vào bảng chọn Insert và Date and Time...

Câu 47: Trong Microsoft Word, muốn chèn các ký tự đặc biệt vào văn bản, ta vào bảng chọn Insert và chọn Symbol và:

- A. Chọn ký tự cần chèn và Apply và Ok.
- B. Chọn ký tự cần chèn và Insert và Close.
- C. Chọn ký tự cần chèn và Ok.
- D. Nháy phải chuột tại ký tự cần chèn và Open.

Câu 48: Trong Microsoft Word, để có ký tự ¿ trong văn bản ta thực hiện như sau:

- A. Vào bảng chọn Insert và Bullets và chọn ký tự ¿ và Insert và Close.
- B. Vào bảng chọn Insert và Picture và Clip Art và chọn ký tự và Insert và Close.
- C. Vào bảng chọn Insert và Symbol và nháy đúp chuột vào ký tự cần chèn và Close.
- D. Các ý trên đều sai.

Câu 49: Tổ hợp phím nào sau đây dùng để chèn dấu ngắt trang trong Microsoft Word?

- A. Ctrl + Shift + Enter
- B. Ctrl + Enter
- C. Alt + Enter
- D. Ctrl + =

Câu 50: Tiêu đề trang (Header and Footer) là gì?

- A. Là nội dung được trình bày ở giữa trang với tác dụng chính là mô tả nội dung của trang.
- B. Là số của các trang trong tệp văn bản.
- C. Là những phần văn bản xuất hiện trên mọi trang trong tệp văn bản và gồm phần đầu trang (header) và chân trang (footer).
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 51: Trong Microsoft Word, để chèn tiêu đề trang, ta chọn lệnh Header and footer trong bảng chọn:

- A. Insert
- B. Tools
- C. Format
- D. View

Câu 52: Muốn đánh số cho các trang văn bản trên Microsoft Word ta:

- A. Vào bảng chọn Insert và Object...
- B. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + P
- C. Vào bảng chọn Insert và Page Numbers...
- D. Vào bảng chọn View và Page Numbers...

Câu 53: Trong Microsoft Word, để tìm các ký tự “(” và thay thế bằng các ký tự “(” trong toàn bộ tệp văn bản, ta thực hiện:

- A. Vào bảng chọn Edit và Find... (hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl + Q)
- B. Vào bảng chọn Edit và Replace... (hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl + H)
- C. Vào bảng chọn Insert và Symbols....
- D. Vào bảng chọn Table và Convert và Table to text...

Câu 54: Để chèn ngắt trang trong Microsoft Word, ta vào bảng chọn Insert, chọn lệnh Break, sau đó chọn mục:

- A. Page break và Ok.
- B. Column break và Ok.
- C. Text wrapping break và Ok.
- D. Next page và Ok.

Câu 55: Trên hộp thoại Page Numbers, để chọn vị trí trên lề, ta khai báo tại mục:

- A. Position.
- B. Show number on first page.
- C. Alignment.
- D. Format...

Câu 56: Khi văn bản đang được in ta thấy biểu tượng ở bên phải thanh công việc. Nếu muốn ngừng việc in, ta thực hiện như sau:

- A. Nhấn tổ hợp phím Shift + Delete.
- B. Nhấn phím Delete.
- C. Nháy đúp biểu tượng máy in, chọn tên tệp văn bản đang in, nháy Document à Cancel.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 57: Muốn bật tính năng gõ tắt trong Microsoft Word, ta vào bảng chọn Tools, chọn lệnh AutoCorrect Options sau đó đánh dấu chọn mục:

- A. Exceptions...
- B. Correct Two Intial CApitals
- C. Add
- D. Replace text as you type

Câu 58: Để tạo mật mã bảo vệ tệp văn bản trong Microsoft Word, ta vào bảng chọn Tools, chọn lệnh Options sau đó nhập mật mã cho tệp văn bản tại trang (thẻ lệnh):

- A. Edit
- B. Print
- C. View
- D. Security

Câu 59: Để sao chép định dạng của cụm từ đang chọn ta sử dụng nút lệnh nào sau đây?

- A. (Copy)
- B. (Paste)
- C. (Format Painter)

D. (Drawing)

Câu 60: Muốn áp dụng kiểu (Style) để định dạng trong Microsoft Word, ta thực hiện như sau:

- A. Đặt con trỏ vào đoạn văn cần định dạng, mở hộp kiểu (Style) bằng cách nháy chuột tại nút mũi tên bên phải hộp sau đó chọn kiểu thích hợp.
- B. Đặt con trỏ vào đoạn văn cần định dạng, nháy chọn phông chữ tại hộp Font và chọn kích thước chữ tại hộp Size .
- C. Nhấn lượt các tổ hợp phím Ctrl + B, Ctrl + I và Ctrl + U sau khi quét chọn đoạn văn cần định dạng.
- D. Các ý trên đều đúng.

Câu 61: Hàm LEN("Microsoft Excel 5.0") cho kết quả

- A. 19
- B. 17
- C. 15
- D. 25

Câu 62: Hàm RIGHT("Microsoft Excel 2003", 4) cho kết quả

- A. "Microsoft Excel 2003"
- B. "Microsoft"
- C. "Excel 2003"
- D. "2003"

Câu 63: Hàm TRIM(" Microsoft Excel 2003 ") cho kết quả:

- A. "Micro soft"
- B. "Microsoft Excel"
- C. "Excel 2003"
- D. "Microsoft Excel 2003"

Câu 64: Hàm MID("Microsoft Excel 2003",10,5):

- A. "Microsoft"
- B. "Excel"
- C. "2003"
- D. "Excel 2003"

Câu 65: Trong MS Excel hàm ABS(A7) A5 = -5 dùng để:

- A. Tính giá trị tuyệt đối của số A7 = 5
- B. Tính tổng của số A7
- C. Tính căn bậc hai của số A7
- D. Tất cả đều sai

Câu 66: Trong MS Excel hàm SQRT(A9) dùng để:

- A. Tính tổng của số A9
- B. Tính giá trị tuyệt đối của số A9
- C. Tính căn bậc hai của số A9
- D. Tất cả đều sai

Câu 67: Hàm SUM(-12, -5, 7, 100) cho kết quả:

- A. 100
- B. 9
- C. -90
- D. 90

Câu 68: Hàm MAX(8, 29, -11, 33, -51) cho kết quả:

- A. -51
- B. 8
- C. 33
- D. 29

Câu 69: Hàm MIN(-52, 20, -11, 23, -15) cho kết quả:

- A. 20
- B. 23
- C. -52
- D. -15

Câu 70: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số 25; Tại ô B2 gõ vào công thức =SQRT(A2) thì nhận được kết quả:

- A. 0
- B. 5
- C. #VALUE!
- D. #NAME!

Câu 71: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi “Tin học”; ô B2 có giá trị số 2008. Tại ô C2 gõ vào công thức =A2+B2 thì nhận được kết quả:

- A. #VALUE!
- B. Tin học
- C. 2008
- D. Tin học2008

Câu 72: Khi đang làm việc với Excel, tổ hợp phím nào cho phép ngay lập tức đưa con trỏ về ô đầu tiên (ô A1) của bảng tính?

- A. Shift+Home
- B. Alt+Home
- C. Ctrl+Home
- D. Shift+Ctrl+Home

Câu 73: Trong bảng tính Excel, nếu trong một ô tính có các kí hiệu #####, điều đó có nghĩa là gì?

- A. Chương trình bảng tính bị nhiễm virus.
- B. Công thức nhập sai và Excel thông báo lỗi.
- C. Hàng chứa ô đó có độ cao quá thấp nên không hiển thị hết chữ số.
- D. Cột chứa ô đó có độ rộng quá hẹp nên không hiển thị hết chữ số.

Câu 74: Trong Excel, tại ô A2 có giá trị là chuỗi TINHOC. Tại ô B2 gõ công thức =RIGHT(A2,3) thì nhận được kết quả?

- A. 3
- B. HOC
- C. TIN
- D. Tinhoc

Câu 75: Trong khi làm việc với Excel 2007, muốn lưu bảng tính hiện thời vào đĩa, ta thực hiện:

- A. Window – Save
- B. Edit – Save
- C. Office Button – Save
- D. File – Save

Câu 76: Câu nào sau đây sai? Khi nhập dữ liệu vào bảng tính Excel thì: Xem thêm: Đây Nào Dưới Đây Chỉ Gồm Chất Điện Li Mạnh chi tiết nhất:

- A. Dữ liệu kiểu số sẽ mặc nhiên căn thẳng lề trái
- B. Dữ liệu kiểu kí tự sẽ mặc nhiên căn thẳng lề trái.
- C. Dữ liệu kiểu thời gian sẽ mặc nhiên căn thẳng lề phải.
- D. Dữ liệu kiểu ngày tháng sẽ mặc nhiên căn thẳng lề phải.

Câu 77: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số không (0); Tại ô B2 gõ vào công thức =5/A2 thì nhận được kết quả:

- A. 0
- B. 5
- C. #VALUE!
- D. #DIV/0!

Câu 78: Trong bảng tính Excel, điều kiện trong hàm IF được phát biểu dưới dạng một phép so sánh. Khi cần so sánh khác nhau thì sử dụng kí hiệu nào?

- A. #
- B. <>
- C. ><
- D. &

Câu 79: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn dữ liệu là dãy kí tự “Tin học van phong”; Tại ô B2 gõ vào công thức =LOWER(A2) thì nhận được kết quả?

- A. TIN HOC VAN PHONG
- B. Tin học van phong
- C. tin học van phong
- D. Tin Hoc Van Phong

Câu 80: Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức =IF(3>5,100, IF(5<;6,200,300)) thì kết quả nhận được tại ô A2 là:

- A. 200
- B. 100
- C. 300
- D. False

Câu 81: Dạng nào sau đây dùng để xem một slide duy nhất:

- A. Normal view.
- B. outline view.
- C. Slide show.
- D. slide view.

Câu 82: Bạn có thể đổi màu nền của các slide theo cách tốt nhất sau đây:

- A. Chọn format/background.
- B. Nhấp và o nút fill color trên thanh drawing.
- C. Chọn format/slide design.
- D. Chọn format/objects.

Câu 83: Các slide của presentation có thể được xem dưới mấy dạng khác nhau:

- A. 3
- B. 4
- C. 5
- D. 6

Câu 84: Slide color scheme là gì?

- A. Bộ màu chuẩn của power point
- B. Màu nền
- C. Chèn màu vào các slide
- D. Tên của một slide mới

Câu 85: Trong Microsoft Word để tăng cỡ chữ ta sử dụng tổ hợp phím:

- A. Ctrl + Shift +]
- B. Ctrl +]
- C. Ctrl + [
- D. Ctrl + B

Câu 86: Trong cửa sổ Microsoft Excel đang mở, tổ hợp phím nào để mở một tệp Excel đã có trên máy tính?

- A. Ctrl + O
- B. Ctrl + N
- C. Ctrl + W
- D. Ctrl + M

Câu 87: Trong Powerpoint 2010, vào Home/Line Spacing?

- A. Để quy định khoảng cách giữa các dòng
- B. Để quy định khoảng cách giữa các đoạn
- C. Để quy định khoảng cách giữa các dòng, đoạn
- D. Tất cả đều

Câu 88: Trong Microsoft Excel kết quả của công thức =COUNT("a","b",2,3) + COUNTA("a","b",0,1) là?

- A. 6
- B. 7
- C. 8
- D. 9

Câu 89: Phần history trong mạng internet dùng để:

- A. Liệt kê các trang web đã dùng trong quá khứ
- B. Liệt kê các địa chỉ mail đã dùng
- C. Liệt kê tên các trang web
- D. Liệt kê số người đã sử dụng mạng internet

Câu 90: Web site là gì?

- A. là một ngôn ngữ siêu văn bản

- B. Là hình thức trao đổi thông tin dưới dạng thư thông qua hệ thống mạng máy tính.
- C. là các file đã được tạo ra bởi word, excel, power point...rồi chuyển sang dạng HTML.
- D. Tất cả các câu đều sai.

Câu 91: Sau khi đã chọn một đoạn văn bản, cách nào sau đây không phải để làm mất đi đoạn văn bản đó?

- A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl + C.
- B. Nhấp chuột trái vào nút lệnh Cut (biểu tượng là cái kéo) trên thanh công cụ.
- C. Nhấn phím Delete.
- D. Chọn Edit -> Cut.

Câu 92: Trong PowerPoint Đang trình chiếu một bài trình diễn, muốn dừng trình diễn ta nhấn phím:

- A. Tab
- B. Esc
- C. Home
- D. End

Câu 93: Muốn kẻ đường viền màu xanh cho một Text Box trong giáo án điện tử, sau khi chọn Format -> Text Box, chọn thẻ Color and Lines và?

- A. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Fill.
- B. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line.
- C. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line hoặc Fill đều đúng.
- D. Chọn màu xanh trong ô Color ngay dưới chữ Line hoặc Fill đều sai.

Câu 94: Để thực hiện việc chèn bảng biểu vào slide ta phải:

- A. Chọn Table -> Insert Table
- B. Chọn Table -> Insert
- C. Chọn Insert -> Table
- D. Chọn Format -> Table

Câu 95: Để tạo một slide giống hệt như slide hiện hành mà không phải thiết kế lại, người sử dụng:

- A. Chọn Insert ->Duplicate
- B. Chọn Insert ->New Slide
- C. Chọn Insert ->Duplicate Slide
- D. Không thực hiện được

Câu 96: Để căn lề cho một đoạn văn bản nào đó trong giáo án điện tử đang thiết kế, trước tiên ta phải:

- A. Đưa con trỏ văn bản vào giữa.
- B. Chọn cả đoạn văn bản cần căn lề.
- C. Chọn một dòng bất kỳ trong đoạn văn bản cần căn lề.
- D. Cả 3 cách nêu trong câu này đều đúng.

Câu 97: Cách thức để mở 1 trang web sử dụng Internet Explorer:

- A. Nhập url của trang web vào ô Address rồi nhấn Enter.
- B. Chọn File/ Open rồi nhập url của trang web rồi nhấn Enter.
- C. Cả 2 câu trên đều đúng.
- D. Cả 3 câu trên đều sai.

Câu 98: Hyperlink là gì?

- A. Là một thành phần trong một trang Web liên kết đến vị trí khác trên cùng trang Web đó hoặc liên kết đến một trang Web khác.
- B. Là nội dung được thể hiện trên Web Browser (văn bản, âm thanh, hình ảnh)
- C. Là địa chỉ của 1 trang Web.
- D. Tất cả các câu trên đều sai.

Câu 99: Chọn phát biểu đúng về địa chỉ IP:

- A. Địa chỉ IP dùng để xác định đối tượng nhận và gửi thông tin trên Internet.
- B. Địa chỉ IP bao gồm 32 bit được chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm cách nhau bằng dấu chấm (.).
- C. Câu a và b đều đúng.
- D. Câu a và b đều sai.

Câu 100: Chọn phát biểu đúng về Email:

- A. Là phương thức truyền tập tin từ máy này đến máy khác trên mạng.
- B. Là dịch vụ cho phép ta truy cập đến hệ thống máy tính khác trên mạng.
- C. Là dịch vụ cho phép ta gửi và nhận thư điện tử.
- D. Là hình thức hội thoại trực tiếp trên Internet.

Câu 101: Chọn phát biểu đúng về tên miền:

- A. Tên miền là tên gọi nhớ về một địa chỉ IP.
- B. Tên miền là tên giao dịch của 1 công ty hay tổ chức sử dụng trên Internet .
- C. Công việc chuyển đổi từ tên miền sang địa chỉ IP do máy chủ DNS đảm trách.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 102: HTTP là gì?

- A. Là giao thức truyền siêu văn bản.
- B. Là ngôn ngữ để soạn thảo nội dung các trang Web.

- C. Là tên của trang web.
- D. Là địa chỉ của trang Web.

Câu 103: Có thể mở các file .html bằng:

- A. Trình duyệt web (Browser) Internet Explorer.
- B. Trình duyệt web (Browser) Mozilla.
- C. Các trình duyệt mail như Outlook Express, Microsoft Outlook, ...
- D. Câu a và b đều đúng.

Câu 104: Để truy cập vào một trang Web chúng ta cần phải biết:

- A. Hệ điều hành đang sử dụng.
- B. Tên miền của trang Web.
- C. Trang Web đó của nước nào.
- D. Tất cả đều sai.

Câu 105: TCP/IP được viết tắt từ:

- A. Transmission Control Protocol/ Internet Protocol.
- B. Transmission Control Panel/ Internet Protocol.
- C. Transaction Control Prototype/ Internet Prototype.
- D. Transmission Control Protocol/ Internet Prototype.

Câu 106: Để tạo một hộp thư điện tử mới:

- A. Người sử dụng phải có sự cho phép của cơ quan quản lý dịch vụ Internet.
- B. Người sử dụng phải có ít nhất một địa chỉ Website.
- C. Người sử dụng không thể tạo cho mình một hộp thư mới.
- D. Người sử dụng có thể đăng ký qua các nhà cung cấp dịch vụ Internet hoặc thông qua các địa chỉ Website miễn phí trên Internet tại bất kỳ đâu trên thế giới.

Câu 107: Địa chỉ thư điện tử được phân cách bởi kí hiệu:

- A. \$
- B. @
- C. #
- D. &

Câu 108: Trình bày cú pháp địa chỉ thư điện tử tổng quát:

- A. < lop9b > @ < yahoo.com >.
- B. < Tên đăng cập > @ < Tên máy chủ lưu hộp thư >.
- C. < Tên đăng cập > @ < gmail.com >.
- D. < Tên đăng cập >.

Câu 109: Em sưu tầm được nhiều ảnh đẹp muốn gửi cho bạn bè ở nhiều nơi em dùng dịch vụ gì?

- A. Thương mại điện tử.
- B. Đào tạo qua mạng.
- C. Thư điện tử đính kèm tệp.
- D. Tìm kiếm thông tin.

Câu 110: Thư điện tử có ưu điểm gì so với thư truyền thống:

- A. Thời gian gửi nhanh.
- B. Có thể gửi đồng thời cho nhiều người.
- C. Chi phí thấp.
- D. Tất cả các ưu điểm trên.

Câu 111: Trong các câu sau đây, những câu nào là sai khi nói về khái niệm dịch vụ thư điện tử?

- A. Lây lan virus giữa email người gửi và email người nhận.
- B. Một người có thể gửi email đến nhiều địa chỉ email khác nhau cùng một lúc.
- C. Một người có thể gửi email đến địa chỉ email của chính mình.
- D. Có thể đăng kí hai địa chỉ email giống nhau.

Câu 112: Với thư điện tử, phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Tệp tin đính kèm theo thư có thể chứa virút, vậy nên cần kiểm tra virút trước khi sử dụng.
- B. Hai người có thể có địa chỉ thư giống nhau, ví dụ hoahong@yahoo.com.
- C. Một người có thể gửi thư cho chính mình, nhiều lần.
- D. Có thể gửi 1 thư đến 10 địa chỉ khác nhau.

Câu 113: Một người đang sử dụng dịch vụ thư điện tử miễn phí của Google. Địa chỉ nào dưới đây được viết đúng?

- A. gmail.com@yahoo2010
- B. tracnghiem@yahoo.com.vn
- C. tracnghiem@gmail.com
- D. B và C đều đúng.

Câu 114: Thư điện tử là dịch vụ chuyển thư dưới dạng:

- A. Số.
- B. Kí tự.
- C. Media.
- D. Audio.

Câu 115: Sắp xếp theo thứ tự các thao tác để đăng nhập vào hộp thư điện tử đã có:

1. Gõ tên đăng nhập và mật khẩu.
2. Truy cập vào trang Web cung cấp dịch vụ thư điện tử.
3. Mở Internet.
4. Nháy chuột vào nút Đăng nhập.

- A. 1-2-3-4.
B. 3-2-1-4.
C. 4-3-2-1.
D. 2-3-1-4.

Câu 116: Cấu trúc 1 địa chỉ email là:

- A. <Tên_người_dùng>@<Tên_miền>.
B. <Tên_miền>@<Tên_người_dùng>.
C. <Tên_người_dùng>.<Tên_miền>.
D. <Tên_miền>.<Tên_người_dùng>.

Câu 117: Trong các câu sau đây, những câu nào là đúng khi mô tả khái niệm thư điện tử?

- A. Website của dịch vụ thư điện tử.
B. Trình duyệt web.
C. Là dịch vụ chuyển thư dưới dạng số trên máy tính.
D. Là trang web.

Câu 118: Trong các dòng sau đây, những dòng nào là địa chỉ hộp thư điện tử hợp lệ?

- A. Nguyen trung anh @ gmail.com
B. nguyenanh@yahoo.com
C. nguyenanh@ gmail.com
D. lớp6a@gmail.com

Câu 119: Phát biểu nào sau đây về thư điện tử là sai?

- A. Hai người có thể có địa chỉ thư giống nhau, ví dụ tracnghiem@gmail.com.
B. Có thể gửi 1 thư đến nhiều địa chỉ khác nhau.
C. Một người có thể gửi thư cho chính mình, nhiều lần.
D. Tập tin đính kèm theo thư có thể chứa virus, vậy nên cần kiểm tra virus trước khi sử dụng.

Câu 120: Người kỹ thuật gắn một thanh RAM 512 vào một máy tính có card màn hình onboard shared 64MB. Dung lượng RAM hiện tại mà Hệ điều hành sử dụng là?

- A. 256 MB
- B. 448 MB
- C. 512 MB
- D. 576 MB

----- **HẾT** -----